

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**  
**NGÀNH ĐÀO TẠO: BÁC SĨ THÚ Y**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**  
TY03014: VỆ SINH THÚ Y 1  
(VETERINARY HYGIENE 1)

**I. Thông tin về học phần**

- Học kì: 7
- Tín chỉ: 2 (Lý thuyết 1,5 – Thực hành 0,5 – Tự học 6)
- Giờ tín chỉ đổi với các hoạt động học tập
  - + Học lý thuyết trên lớp: 22 tiết
  - + Thực hành trong phòng thí nghiệm: 8 tiết
- Giờ tự học: 90 tiết (*theo kế hoạch cá nhân hoặc hướng dẫn của giảng viên*)
- Đơn vị phụ trách:
  - Bộ môn: Thú y Cộng đồng
  - Khoa: Thú y
- Học phần thuộc khối kiến thức:

Đại cương <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành X		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/> X	Tự chọn <input type="checkbox"/>

- Học phần học song hành: TY03051\_Bệnh truyền nhiễm thú y 1
- Học phần tiên quyết: TY02005\_Vi sinh vật đại cương
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Anh  Tiếng Việt X

**II. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo mà học phần đáp ứng**

\* Các chuẩn đầu ra và chỉ báo của chương trình đào tạo mà học phần đóng góp:

Chuẩn đầu ra của CTĐT Sau khi hoàn tất chương trình, sinh viên có thể:	Chỉ báo của chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo
<b>Kiến thức chuyên môn</b> CDR 3. Áp dụng kiến thức thú y vào việc chẩn đoán, điều trị bệnh cho vật nuôi một cách hiệu quả.	3.4: Áp dụng kiến thức thú y vào việc nâng cao sức khỏe vật nuôi
CDR4. Thiết kế các chương trình chẩn đoán, điều trị bệnh cho vật nuôi, các quy trình phòng chống dịch bệnh cho động vật theo các tiêu chuẩn quy định.	4.2: Xây dựng chiến lược phòng chống bệnh cho động vật theo các tiêu chuẩn quy định.
<b>Kỹ năng chung</b> CDR 5. Vận dụng tư duy phản biện và sáng tạo vào giải quyết các vấn đề một cách hiệu quả.	5.3: Vận dụng tư duy phản biện và sáng tạo trong giải quyết vấn đề bao gồm nhận biết vấn đề, nhận biết khi nào và bằng cách nào thu thập thông tin,

<b>Chuẩn đầu ra của CTĐT</b> Sau khi hoàn tất chương trình, sinh viên có thể:	<b>Chỉ báo của chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo</b>
	dánh giá và lựa chọn thông tin cần thiết cho việc giải quyết vấn đề
<b>Kỹ năng chuyên môn</b>	
CDR 9. <b>Tư vấn</b> về kỹ thuật, công nghệ và kinh doanh trong lĩnh vực thú y theo định hướng mang lại lợi ích kinh tế với sự cân nhắc về sự an toàn cho con người, sức khỏe vật nuôi và môi trường sinh thái.	9.1 Tư vấn về kỹ thuật thú y theo định hướng mang lại lợi ích kinh tế
<b>Năng lực tự chủ và trách nhiệm</b>	
CDR 13. <b>Thực hiện trách nhiệm</b> bảo vệ môi trường, nâng cao sức khoẻ cho con người và thể hiện lòng yêu quý động vật.	13.1: Thực hiện trách nhiệm bảo vệ môi trường, nâng cao sức khoẻ cho con người thông qua công tác thú y

### III. Mục tiêu và kết quả học tập mong đợi của học phần

\* **Mục tiêu:**

- Học phần nhằm cung cấp cho người học kiến thức về việc áp dụng các nguyên lý khoa học nhằm thiết lập, duy trì môi trường sống phù hợp với động vật nuôi, giảm thiểu các yếu tố rủi ro do tác động bất lợi của môi trường vì mục đích nâng cao năng suất chăn nuôi, chất lượng vệ sinh thực phẩm, phòng chống dịch bệnh
- Học phần rèn luyện cho người học kỹ năng về khả năng áp dụng các nguyên tắc vệ sinh thú y trong chăn nuôi, giết mổ, chế biến thực phẩm nguồn gốc động vật.
- Học phần hình thành cho người học thái độ tự học, bảo vệ môi trường, yêu quý động vật.

\* **Kết quả học tập mong đợi của học phần:**

Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra sau đây của CTĐT theo mức độ sau:

I – Giới thiệu (Introduction); P – Thực hiện (Practice); R – Củng cố (Reinforce); M – Đạt được (Master)

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT				
		3.4	4.2	5.3	9.1	13.1
TY03014	Vệ sinh thú y 1	R	P	R	R	R

Ký hiệu	KQHTMD của học phần <b>Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được</b>	Chỉ báo CDR của CTĐT
Kiến thức		
K1	Áp dụng các kiến thức về vệ sinh môi trường không khí, môi trường nước, môi trường đất vào việc xây dựng môi trường tiêu khí hậu đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh cho động vật nuôi.	3.4: Áp dụng kiến thức thú y vào việc nâng cao sức khỏe vật nuôi
K2	Xây dựng chuồng trại cho động vật nuôi đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh	4.2: Xây dựng chiến lược phòng chống bệnh cho động vật theo các tiêu chuẩn quy định.
Kỹ năng		
K3	Vận dụng tư duy phản biện và sáng tạo việc xây dựng chuồng trại phù hợp với từng loại vật nuôi	5.3: Vận dụng tư duy phản biện và sáng tạo trong giải quyết vấn đề bao gồm nhận biết vấn đề,

		nhận biết khi nào và bằng cách nào thu thập thông tin, đánh giá và lựa chọn thông tin cần thiết cho việc giải quyết vấn đề
K4	Tư vấn kỹ thuật phân tích các chỉ tiêu chất lượng môi trường chăn nuôi	9.1 Tư vấn về kỹ thuật thú y theo định hướng mang lại lợi ích kinh tế
Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
K5	Thực hiện được trách nhiệm bảo vệ môi trường, nâng cao sức khỏe cho con người thông qua đảm bảo vệ sinh môi trường chăn nuôi	13.1: Thực hiện trách nhiệm bảo vệ môi trường, nâng cao sức khỏe cho con người thông qua công tác thú y

#### IV. Nội dung tóm tắt của học phần

TY03014: Vệ sinh thú y 1 (2TC: 1,5–0,5–6).

Nội dung: học phần này bao gồm các nội dung chính sau: Các nguyên lý khoa học về vệ sinh môi trường không khí, nước, đất sử dụng trong chăn nuôi động vật. Các nguyên tắc vệ sinh xây dựng chuồng trại cho vật nuôi.

Phương pháp giảng dạy: Sinh viên nghe giảng trên lớp kết hợp với tự học, thảo luận trao đổi với Thầy Cô, bạn bè.

Phương pháp đánh giá: Chuyên cần 10%, giữa kỳ 30%, thi cuối kỳ 60%.

#### V. Phương pháp giảng dạy và học tập

##### 1. Phương pháp giảng dạy

Bảng 1: Phương pháp giảng dạy

KQHTMD PPGD	K1	K2	K3	K4	K5
Thuyết giảng	x	x			x
Giảng dạy thông qua thực hành			x	x	

##### 2. Phương pháp học tập

- Tham dự đầy đủ lớp lý thuyết, chuẩn bị bài trước khi tới lớp, tìm kiếm tài liệu chuyên môn, tích cực trao đổi với giảng viên trong các buổi học.
- Tham gia thực hành đầy đủ, tích cực.

#### VI. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải dự lớp đủ thời gian quy định.
- Chuẩn bị cho bài giảng: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải đọc trước nội dung bài giảng Vệ sinh thú y 1.
- Thực hành: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải tham gia đầy đủ các bài thực hành trong phòng thí nghiệm, làm báo cáo thu hoạch cá nhân.

- Thi giữa kỳ: trong quá trình học lý thuyết sẽ có 01 bài kiểm tra thời gian từ 10 đến 20 phút (dạng bài tự luận hoặc trắc nghiệm hoặc kết hợp cả hai)

- Thi cuối kỳ: sinh viên phải dự thi hết môn theo hình thức thi viết dạng bài tự luận hoặc trắc nghiệm hoặc kết hợp cả hai sau khi đã hoàn thành các nội dung trên.

## VII. Đánh giá và cho điểm

### 1. Thang điểm: 10

2. Điểm trung bình của học phần là tổng điểm của các rubric nhân với trọng số tương ứng của từng rubric

### 3. Phương pháp đánh giá

Bảng 2. Ma trận đánh giá

KQHTMĐ	K1	K2	K3	K4	K5	Thời gian/tuần học
<b>Đánh giá quá trình (40%)</b>						
Rubric 1. Chuyên cần (10%)					x	1-7
Rubric 2. Thực hành (0%)			x	x		Theo lịch của Học viện
Kiểm tra giữa kỳ (30%)	x	x				4
<b>Đánh giá cuối kì (60%)</b>						
Thi cuối kì (60%)	x	x				Theo lịch thi của Học viện

Rubric 1. Đánh giá chuyên cần (10%)

Tiêu chí	9,1 - 10 điểm	9 điểm	8 – 8,9 điểm	7 – 7,9 điểm	< 7 điểm (Không đủ điều kiện thi)
Thời gian tham dự lớp và thái độ học tập	- Tham dự đủ các buổi học trên lớp (22 tiết) và thực hành (4 bài), tham gia phát biểu, xây dựng bài	Đáp ứng 1 trong hai điều kiện sau: - Tham dự đủ các buổi học trên lớp (22 tiết) và thực hành (4 bài) - Nghỉ 1 buổi học trên lớp (2-3 tiết), tham dự đủ các buổi thực hành, tham gia phát biểu, xây dựng bài	Đáp ứng 1 trong hai điều kiện sau: - Nghỉ 1 buổi học trên lớp, tham dự đủ các bài thực hành (4 bài)	- Nghỉ 2 buổi học trên lớp, tham dự đủ các bài thực hành (4 bài) - Nghỉ 2 buổi học trên lớp, tham dự đủ các bài thực hành, tham gia phát biểu, xây dựng bài	1 trong hai điều kiện sau: - Thiếu từ 1 bài thực hành

Ghi chú: Sinh viên đi muộn 1 buổi trừ 0,5 điểm chuyên cần

### Rubic 2: Thực hành (0%, không tính điểm)

Tiêu chí	Đạt	Không đạt
Thái độ tham dự	Tham dự đầy đủ 4 bài thực hành, tuân thủ đúng nội quy của phòng thực hành	Vắng 1 buổi thực hành hoặc không tuân thủ đúng nội quy của phòng thực hành
Kết quả thực hành	Kết quả thực hành đầy đủ 4 bài Kết quả thực hành không sai lệch quá 10% kết quả chuẩn của giảng viên Sai sót nhỏ trong thao tác thực hành	Kết quả thực hành không đầy đủ 4 bài thực hành Kết quả thực hành sai lệch quá 10% so với kết quả chuẩn của giảng viên Thực hiện sai thao tác thực hành giảng viên đã hướng dẫn
Báo cáo thực hành	Đầy đủ phương pháp tiến hành và kết quả của 4 bài thực hành Nộp đúng thời gian 1 tuần sau khi kết thúc thực hành	Thiếu phương pháp tiến hành và kết quả của 1 bài thực hành Nộp sau thời gian quy định

### Đánh giá giữa kì (30%)

Thi giữa kì: trắc nghiệm

KQHTMD	Chỉ báo thực hiện KQHTMD
K1. Áp dụng các kiến thức về vệ sinh môi trường không khí, môi trường nước, môi trường đất vào việc xây dựng môi trường tiêu khí hậu đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh cho động vật nuôi.	Chỉ báo 1: Áp dụng được các chỉ tiêu vật lý, hóa học, vi sinh vật học của môi trường không khí, nước, đất vào việc xây dựng tiêu khí hậu chuồng nuôi

### Đánh giá cuối kì (60%)

Thi cuối kì: tự luận

KQHTMD	Chỉ báo thực hiện KQHTMD
K1. Áp dụng các kiến thức về vệ sinh môi trường không khí, môi trường nước, môi trường đất vào việc xây dựng môi trường tiêu khí hậu đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh cho động vật nuôi.	Chỉ báo 1: Áp dụng được các chỉ tiêu vật lý, hóa học, vi sinh vật học của môi trường không khí, nước, đất vào việc xây dựng tiêu khí hậu chuồng nuôi
K2. Xây dựng chuồng trại cho động vật nuôi đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh	Chỉ báo 2: Áp dụng nguyên lý khoa học để thiết kế, xây dựng chuồng trại đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh cho vật nuôi
K3. Vận dụng tư duy phản biện và sáng tạo vào việc xây dựng chuồng trại phù hợp với từng loại vật nuôi	Chỉ báo 3: Thiết lập các tiêu chuẩn vệ sinh trong xây dựng chuồng nuôi trâu bò, lợn, gà

K4. Tư vấn kỹ thuật phân tích các chỉ tiêu chất lượng môi trường chăn nuôi	Chỉ báo 4: Tư vấn được các bước phân tích khí H2S, NH3 trong không khí chuồng nuôi. Chỉ báo 5: Tư vấn được các bước phân tích DO, COD của nước
--	---

#### 4. Các yêu cầu, quy định đối với học phần

- Tham dự các bài thi: Không tham gia kiểm tra/thi bài nào sẽ mất điểm bài đó.
- Sinh viên không tham dự đủ các buổi thực hành sẽ không đủ điều kiện dự thi.
- Yêu cầu về đạo đức: Mọi gian lận trong học tập (VD: điểm danh hộ, nhờ người đi học hộ) và thi cử (VD: sử dụng tài liệu/vật dụng không được phép, nhìn bài, trao đổi khi làm bài) sẽ bị xử lý theo quy chế chung.

#### VIII. Giáo trình/ tài liệu tham khảo

\* *Sách giáo trình/Bài giảng:*

1. Nguyễn Thị Bích Yên, Đoàn Văn Diêm, Trần Thanh Vân (2015). Giáo trình khí tượng đại cương. NXB Đại học Nông nghiệp

2. Đỗ Ngọc Hoè, Nguyễn Thị Minh Tâm (2005). Giáo trình Vệ sinh vật nuôi. Nhà xuất bản Hà Nội, 81 tr.

\* *Tài liệu tham khảo khác:*

Vũ Đình Tôn, Lại Thị Cúc, Nguyễn Văn Duy, Đặng Vũ Bình (2018). Chất lượng nước dùng trong trang trại chăn nuôi lợn tại đồng bằng Sông Hồng. Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam. Số 3 – 2018, tr 279-284.

Tiêu chuẩn ngành 680 (2006). Tiêu chuẩn vệ sinh nước sử dụng trong chăn nuôi. 10TCN 680-2006.

Tiêu chuẩn ngành 679 (2006). Tiêu chuẩn điều kiện vệ sinh thú y cơ sở chăn nuôi gia cầm. 10TCN 679 – 2006.

Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia 01-14 (2010). Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia điều kiện trại chăn nuôi lợn an toàn sinh học. QCQG 01-14:2010/BNNPTNT.

\* *Các nghiên cứu, kết quả nghiên cứu:*

#### IX. Nội dung chi tiết của học phần

Tuần	Nội dung	KQHTMĐ của học phần
1-3	<b>Chương 1. Vệ sinh môi trường không khí cơ sở chăn nuôi</b> <i>A/ Các nội dung chính trên lớp: (8 tiết)</i> <i>Nội dung GD lý thuyết: (8 tiết)</i> <ul style="list-style-type: none"> <li>1.1. Khái niệm và ý nghĩa vệ sinh môi trường không khí</li> <li>1.2. Tính chất vật lý của môi trường không khí và vệ sinh môi trường tiêu khí hậu           <ul style="list-style-type: none"> <li>1.2.1. Đại cương về môi trường không khí</li> <li>1.2.2. Tính chất vật lý của môi trường không khí và vệ sinh môi trường tiêu khí hậu chuồng nuôi</li> </ul> </li> </ul>	K1, K4, K5

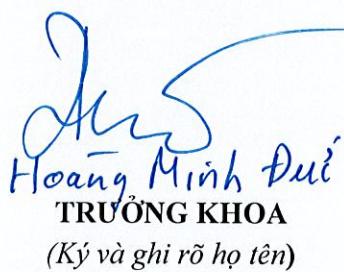
	<p>1.2.3. Vệ sinh môi trường tiêu khí hậu cơ sở giết mổ, chế biến sản phẩm động vật</p> <p>1.3. Tính chất hóa học của môi trường không khí, vệ sinh phòng chống khí độc</p> <p>1.3.1. Thành phần hóa học của không khí</p> <p>1.3.2. Vệ sinh phòng chống khí độc</p> <p>1.4. Tính chất sinh vật của môi trường không khí, vệ sinh phòng chống ô nhiễm vi sinh vật</p> <p>1.5. Thực tập, bài tập, thảo luận</p> <p><b>Nội dung thực hành:</b> (4 tiết)</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Phân tích khí NH<sub>3</sub> trong không khí chuồng nuôi</li> <li>2. Phân tích khí H<sub>2</sub>S trong không khí chuồng nuôi</li> </ol>	
	<p><b>B/Các nội dung cần tự học ở nhà:</b> (25 tiết)</p> <p>1- Tìm hiểu về hiện trạng ô nhiễm môi trường không khí ở Việt Nam và trên thế giới</p> <p>2- Các giải pháp nhằm hạn chế ô nhiễm môi trường không khí</p>	
4-5	<p><b>Chương 2. Vệ sinh môi trường nước dùng trong chăn nuôi</b></p> <p><b>A/Tóm tắt các nội dung chính trên lớp:</b> (8 tiết)</p> <p><b>Nội dung GD lý thuyết:</b> (8 tiết)</p> <p>Vai trò của nước đối với sản xuất và cơ thể động vật</p> <p>1. Các nguồn nước trong tự nhiên và khả năng tự làm sạch của nước</p> <p>1.1. Các nguồn nước tự nhiên và chất lượng vệ sinh</p> <p>1.1.2. Khả năng tự làm sạch của nước</p> <p>1.2. Tính chất vật lý của nước</p> <p>1.3. Tính chất hóa học của nước và các chất độc tồn dư trong nước</p> <p>1.3.1. Tính chất hóa học của nước</p> <p>1.3.2. Tồn dư chất độc trong nước</p> <p>1.4. Tính chất sinh vật học của nước</p> <p>1.5. Biện pháp xử lý nước dùng trong chăn nuôi, giết mổ</p> <p>1.6. Thực tập, bài tập, thảo luận</p> <p><b>Nội dung thực hành:</b> (4 tiết)</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Phân tích hàm lượng oxy hòa tan trong nước (DO)</li> <li>2. Phân tích độ oxy hóa của nước (COD)</li> </ol>	K1, K4, K5
	<p><b>B/Các nội dung cần tự học ở nhà:</b> (25 tiết)</p> <p>Thực trạng ô nhiễm nguồn nước ở Việt Nam, giải pháp khắc phục</p>	
6	<p><b>Chương 3. Vệ sinh môi trường đất trong chăn nuôi</b></p> <p><b>A/Tóm tắt các nội dung chính trên lớp:</b> (3 tiết)</p> <p><b>Nội dung GD lý thuyết:</b> (3 tiết)</p> <p>3.1. Khái niệm và ý nghĩa vệ sinh môi trường đất</p> <p>3.2. Tính chất vật lý của đất</p>	K1, K5

	3.2. Tính chất hóa học của đất quan hệ với đời sống động vật 3.3. Tính chất sinh vật học của đất	
	<b>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (20 tiết)</b> Tìm hiểu về tình hình ô nhiễm môi trường đất ở nước ta hiện nay	
7	<b>Chương 4. Vệ sinh chuồng trại</b> <b>A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (3 tiết)</b> <b>Nội dung GD lý thuyết: (3 tiết)</b> 1.1. Các nguyên tắc vệ sinh xây dựng chuồng trại 1.2. Một số chú ý khi xây dựng chuồng trại <ul style="list-style-type: none"> <li>1.2.1. Địa điểm</li> <li>1.2.2. Vật liệu xây dựng</li> <li>1.2.3. Khoảng cách</li> <li>1.2.4. Cấu trúc</li> <li>1.2.5. Ánh sáng và thông thoáng</li> </ul> 1.3. Yêu cầu vệ sinh trong xây dựng chuồng nuôi trâu bò, lợn, gà	K2, K3, K5
	<b>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (20 tiết)</b> Tìm hiểu mô hình trang trại chăn nuôi trâu, bò, lợn, gà	

#### X. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

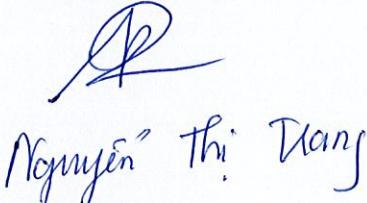
- Phòng học, thực hành: có đủ không gian, tủ hút hóa chất, thiết bị dụng cụ và vật tư tối thiểu cho việc dạy và học
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: có máy chiếu đa phương tiện, kết nối internet (LAN/wifi), hệ thống loa/micro và bảng viết (bút/phấn). Tất cả đều phải được bảo trì thường xuyên và luôn trong điều kiện hoạt động tốt.
- Các phương tiện khác: bảng flipchart và giấy bút dùng cho việc báo cáo chuyên đề và thảo luận của sinh viên.

TRƯỞNG BỘ MÔN  
(Ký và ghi rõ họ tên)

  
Hoàng Minh Đurai  
TRƯỞNG KHOA  
(Ký và ghi rõ họ tên)

  
Bùi Trần Anh Dinh

Hà Nội, ngày... 8 tháng... 8 năm... 2022  
GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN  
(Ký và ghi rõ họ tên)

  
Nguyễn Thị Xuân

KT. GIÁM ĐỐC  
(Ký và ghi rõ họ tên)



PHÓ GIÁM ĐỐC  
GS.TS. Phạm Văn Cường

## PHỤ LỤC

### THÔNG TIN VỀ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

#### Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: <b>Nguyễn Thị Trang</b>	Học hàm, học vị: Tiến sĩ
Địa chỉ cơ quan: Bộ môn Thú y cộng đồng, Khoa Thú y, Học viện Nông nghiệp Việt Nam, Trâu Quỳ - Gia Lâm - Hà Nội	Điện thoại liên hệ: 0981.689.696
Email: <a href="mailto:nguyentrang1611@gmail.com">nguyentrang1611@gmail.com</a>	Trang web: <a href="https://khoathuy.vnua.edu.vn">https://khoathuy.vnua.edu.vn</a>
Cách liên lạc với giảng viên: Theo thứ tự ưu tiên: email - điện thoại - gặp trực tiếp	

#### Giảng viên giảng dạy học phần (1)

Họ và tên: <b>Phạm Hồng Ngân</b>	Học hàm, học vị: PGS.TS.
Địa chỉ cơ quan: Bộ môn Thú y cộng đồng, Khoa Thú y, Học viện Nông nghiệp Việt Nam, Trâu Quỳ - Gia Lâm - Hà Nội	Điện thoại liên hệ: 0912.288.450
Email: <a href="mailto:phngan@vnua.edu.vn">phngan@vnua.edu.vn</a> hoặc <a href="mailto:phngan2001@yahoo.com">phngan2001@yahoo.com</a>	Trang web: <a href="https://khoathuy.vnua.edu.vn">https://khoathuy.vnua.edu.vn</a>
Cách liên lạc với giảng viên: Theo thứ tự ưu tiên: email - điện thoại - gặp trực tiếp	

#### Giảng viên giảng dạy học phần (2)

Họ và tên: <b>Cam Thị Thu Hà</b>	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: Bộ môn Thú y cộng đồng, Khoa Thú y, Học viện Nông nghiệp Việt Nam, Trâu Quỳ - Gia Lâm - Hà Nội	Điện thoại liên hệ: 096.192.7288
Email: <a href="mailto:cttha@vnua.edu.vn">cttha@vnua.edu.vn</a>	Trang web: <a href="https://khoathuy.vnua.edu.vn">https://khoathuy.vnua.edu.vn</a>
Cách liên lạc với giảng viên: Theo thứ tự ưu tiên: email - điện thoại - gặp trực tiếp	

#### Giảng viên giảng dạy học phần (3)

Họ và tên: <b>Hoàng Minh Đức</b>	Học hàm, học vị: Tiến sĩ
Địa chỉ cơ quan: Bộ môn Thú y cộng đồng, Khoa Thú y, Học viện Nông nghiệp Việt Nam, Trâu Quỳ - Gia Lâm - Hà Nội	Điện thoại liên hệ:
Email: <a href="mailto:ducvetmed@yahoo.com">ducvetmed@yahoo.com</a>	Trang web: <a href="https://khoathuy.vnua.edu.vn">https://khoathuy.vnua.edu.vn</a>
Cách liên lạc với giảng viên: Theo thứ tự ưu tiên: email - điện thoại - gặp trực tiếp	

#### Giảng viên giảng dạy học phần (4)

Họ và tên: Vũ Thị Thu Trà	Học hàm, học vị: Tiến sĩ
Địa chỉ cơ quan: Bộ môn Thú y cộng đồng, Khoa Thú y, Học viện Nông nghiệp Việt Nam, Trâu Quỳ - Gia Lâm - Hà Nội	Điện thoại liên hệ: 0866.173.680
Email: <a href="mailto:yutra@vnua.edu.vn">yutra@vnua.edu.vn</a>	Trang web: <a href="https://khoathuy.vnua.edu.vn">https://khoathuy.vnua.edu.vn</a>
Cách liên lạc với giảng viên: Theo thứ tự ưu tiên: email - điện thoại - gặp trực tiếp	

**BẢNG TÓM TẮT TƯƠNG THÍCH GIỮA KQHTMĐ, DẠY- HỌC VÀ ĐÁNH GIÁ**

KQHTMĐ	K1	K2	K3	K4	K5
<b>DẠY VÀ HỌC</b>					
Thuyết giảng	x	x			x
Giảng dạy thông qua thực hành			x	x	
<b>ĐÁNH GIÁ</b>					
Rubric 1. Chuyên cần					x
Rubric 2. Thực hành			x	x	
Kiểm tra giữa kỳ	x	x			
Thi cuối kì	x	x			

## **CÁC LẦN CẢI TIẾN ĐỀ CƯƠNG:**

- Lần 1: 7/ 2018

Cập nhật giảng viên giảng dạy học phần

- Lần 2: 7/ 2019

Sửa lại rubric đánh giá chuyên cần và giữa kỳ

- Lần 3: 7/ 2020

Cập nhật phương pháp giảng dạy

Cập nhật tài liệu tham khảo

- Lần 4: 7/ 2021

Sửa lại chỉ báo trong rubric đánh giá giữa kỳ

- Lần 5: 7/2022

Cập nhật tài liệu tham khảo